

Phát triển các nguồn lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam

HOÀNG TRIỀU HOA*

Đẩy mạnh công nghiệp hóa (CNH), hiện đại hóa (HĐH) đất nước là chủ trương nhất quán của Đảng. CNH, HĐH là con đường tất yếu để chuyển đổi nền sản xuất - xã hội lạc hậu sang nền sản xuất - xã hội hiện đại. Mục tiêu CNH, HĐH đất nước đã được xác định từ Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng vào năm 1960. Kể từ đó cho đến nay, tiến trình CNH, HĐH luôn được xây dựng phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước, phù hợp với xu thế phát triển về kinh tế, về khoa học - công nghệ (KHCN) trên thế giới. Để CNH, HĐH thành công thì không thể thiếu các nguồn lực quan trọng, như: nguồn lực tài chính, nguồn lực con người, nguồn lực KHCN. Chính vì vậy, việc phát triển các nguồn lực cho CNH, HĐH cần phải có chiến lược phù hợp với mục tiêu phát triển của đất nước trong từng thời kỳ.

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN CÁC NGUỒN LỰC CHO CNH, HĐH Ở VIỆT NAM

Phát triển nguồn lực tài chính

Đối với các quốc gia đang phát triển như Việt Nam, CNH có vai trò đặc biệt quan trọng, nhằm phát triển lực lượng sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại và quá trình này đòi hỏi phải cần rất nhiều nguồn lực tài chính. Nguồn lực tài chính của quốc gia được hiểu là các nguồn vốn bằng tiền hoặc tài sản có thể chuyển thành tiền được huy động để phục vụ cho các mục tiêu phát triển của đất nước. Nguồn lực tài chính để CNH bao gồm: nguồn lực bên trong và nguồn lực bên ngoài.

Ở giai đoạn đầu, Việt Nam tiến hành CNH, HĐH đất nước từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, sản xuất nhỏ lẻ, kỹ thuật thô sơ, năng suất lao động thấp. Để thực hiện mục tiêu CNH, HĐH của Việt Nam là đưa đất nước trở thành nước công nghiệp, thì rất cần phải thay đổi căn bản lực lượng sản xuất, cần phải đầu tư nâng cao trình độ, chất lượng nguồn lực lao động, áp dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Điều này không đơn giản khi năng lực tài chính của Việt Nam còn yếu. Chính vì vậy, chủ động nguồn vốn trong nước và thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) là chiến lược mà nước ta đã và đang triển khai nhằm đảm bảo nguồn lực tài chính để thực hiện thành công chiến lược CNH.

Cũng như nhiều nước trên thế giới, nguồn vốn trong nước phục vụ cho sự nghiệp CNH, HĐH đất nước được tiết kiệm trong sản xuất và tiêu dùng. Giai đoạn 2011-

2020, chiến lược CNH và chính sách phát triển công nghiệp của Việt Nam đều đặt trọng tâm vào phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn, có sức cạnh tranh quốc tế. Do vậy, để phát triển các ngành này đòi hỏi phải đầu tư một lượng vốn lớn, trong đó vốn từ ngân sách nhà nước là nguồn vốn quan trọng. Hàng năm, vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước cho các lĩnh vực, các ngành kinh tế ngày càng chiếm tỷ trọng lớn hơn (Hình).

“Chiến lược phát triển công nghiệp đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035” được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 879/QĐ-TTg, ngày 09/6/2014 đã khẳng định việc phát triển công nghiệp trên cơ sở huy động có hiệu quả các nguồn lực từ các thành phần kinh tế, trong đó nguồn vốn trong nước được khuyến khích đầu tư bởi khu vực kinh tế tư nhân. Thực tế nhiều năm qua cho thấy, vốn đầu tư phát triển xã hội của khu vực kinh tế tư nhân luôn chiếm tỷ trọng ngày càng lớn trong tổng vốn đầu tư toàn xã hội (Hình).

Giai đoạn 2010-2020, vốn đầu tư của khu vực kinh tế ngoài nhà nước đã tăng từ 299.487 tỷ đồng lên 972.230 tỷ đồng, chiếm 44,92% tổng vốn đầu tư toàn xã hội (Hình). Điều đó cho thấy, khu vực kinh tế ngoài nhà nước ngày càng chiếm

* Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội

vị trí trong nền kinh tế và vốn đầu tư của khu vực kinh tế này đóng góp quan trọng để thực hiện thành công chiến lược CNH.

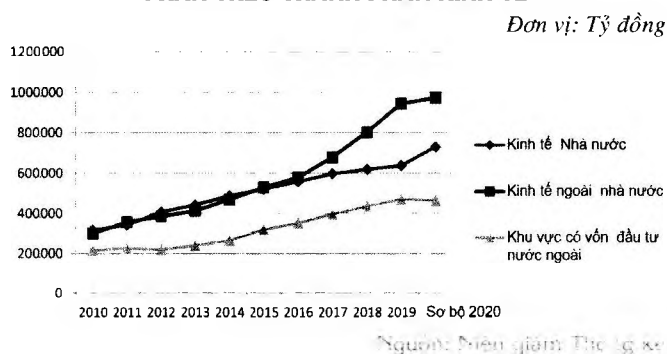
Bên cạnh các nguồn vốn trong nước, vốn FDI trong những năm gần đây cũng ngày càng tăng lên trong tổng vốn đầu tư toàn xã hội. Chỉ trong 10 năm, từ 2010 đến 2020, nguồn vốn đầu tư này đã tăng gấp đôi giá trị, từ 214.506 nghìn tỷ đồng lên 463.280 nghìn tỷ đồng, chiếm 21,4% tổng đầu tư toàn xã hội. Sau 35 năm Đổi mới và mở cửa nền kinh tế, Việt Nam đã thu hút được một lượng vốn FDI khá lớn. Nguồn vốn này đã góp phần tạo ra những năng lực sản xuất mới, nhiều ngành nghề mới được mở ra mang lại nhiều sản phẩm mới cho xã hội. Vốn FDI cũng tạo ra những công nghệ mới, phương tiện sản xuất, kinh doanh mới, làm cho nền kinh tế phát triển theo hướng kinh tế thị trường hiện đại.

Tuy các nguồn vốn đầu tư cho phát triển các ngành, các lĩnh vực của nền kinh tế đã liên tục tăng trong các năm, song trong bối cảnh mới của thế giới hiện nay, khi cuộc Cách mạng công nghiệp (CMCN) 4.0 đang diễn ra rất mạnh mẽ, Việt Nam cần phải đẩy mạnh đầu tư để HĐH các ngành sản xuất, phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn, nâng cao chất lượng nguồn lực con người, thì lượng vốn đầu tư như hiện nay chưa đủ để đáp ứng với yêu cầu về đầu tư phát triển trong tình hình mới. Một khía cạnh nữa cũng cần nói đến là hiệu quả sử dụng các nguồn vốn đầu tư này, đặc biệt là việc sử dụng vốn từ ngân sách nhà nước để tránh thất thoát, lãng phí.

Phát triển nguồn nhân lực

Việt Nam đã rất chú trọng đến phát triển nguồn nhân lực để đáp ứng yêu cầu của CNH, HĐH. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng đã nhấn mạnh quan điểm: “Phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao là một trong những yếu tố quyết định sự phát triển nhanh, bền vững đất nước”. Đảng cũng nhận định phát triển nguồn nhân lực là một đột phá chiến lược, là yếu tố quyết định đẩy mạnh phát triển và ứng dụng KHCN, cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng và là lợi thế cạnh tranh quan trọng nhất, bảo đảm cho phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011). Chính vì vậy, phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao là

HÌNH: VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TOÀN XÃ HỘI PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ



một trong những khâu đột phá của chiến lược phát triển đất nước trong giai đoạn 2011-2020.

Vai trò của nguồn nhân lực chất lượng cao được tiếp tục khẳng định qua Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng: “CNH, HĐH trong giai đoạn tới là tiếp tục đẩy mạnh thực hiện mô hình CNH, HĐH trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế gắn với phát triển kinh tế tri thức, lấy KHCN, tri thức và nguồn nhân lực chất lượng cao làm động lực chủ yếu...” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2016). Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng cũng đưa ra phương hướng, nhiệm vụ phát triển nguồn nhân lực trong thời gian tới, đó là: “Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực cho đất nước, cho từng ngành, từng lĩnh vực, với những giải pháp đồng bộ, trong đó tập trung cho giải pháp đào tạo, đào tạo lại nguồn nhân lực trong nhà trường cũng như trong quá trình sản xuất, kinh doanh, chú trọng nâng cao tính chuyên nghiệp và kỹ năng thực hành” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2016).

Với quan điểm đó, trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều chính sách phát triển nguồn nhân lực, trong đó đặc biệt là những chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, nhằm nâng cao chất lượng nguồn lực lao động trong nước.

Nhờ việc triển khai thực hiện các chính sách đào tạo nghề của Nhà nước, tỷ lệ lao động đã qua đào tạo tăng dần theo các năm; trong đó, năm 2010 chỉ đạt 14,6%, thì năm 2020 đã tăng lên 24% (Bảng 1). Mặc dù sau 10 năm, tỷ lệ này đã tăng lên đáng kể song nhìn chung, số lao động chưa qua đào tạo trên thị trường lao động của Việt Nam vẫn chiếm tỷ lệ lớn. Điều đó cho thấy, chất lượng nguồn nhân lực của Việt Nam còn ở mức độ thấp và khó có thể tranh tranh với nhân lực quốc tế, khi Việt Nam ngày càng tham gia sâu rộng vào quá trình hội nhập. Theo Báo cáo Điều tra lao động việc làm năm 2020, tỷ lệ người lao động thất nghiệp cũng còn ở mức cao, đặc biệt là lao động có trình độ đại học có tỷ lệ thất nghiệp cao nhất trong các nhóm, chiếm 20,7% vào năm 2020. Thực tế này đặt ra một vấn đề về việc đào tạo trong các trường đại học cần phải bám sát với nhu cầu của thị trường lao động trong nước, phải gắn kết với những thay đổi và yêu cầu của thị trường lao động quốc tế.

BẢNG 1: TỶ LỆ LAO ĐỘNG TỪ 15 TUỔI TRỞ LÊN ĐANG LÀM VIỆC TRONG NỀN KINH TẾ ĐÃ QUA ĐÀO TẠO PHÂN THEO TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN KỸ THUẬT GIAI ĐOẠN 2010-2020

Đơn vị: %

	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020
Tổng số	14,6	15,4	16,6	17,9	18,2	19,9	20,6	21,4	21,9	22,6	24,0
Chưa đào tạo chuyên môn kỹ thuật	85,4	84,5	83,4	82,1	81,8	80,1	79,4	78,6	78,1	77,4	76,0
Dạy nghề	3,8	4,0	4,7	5,3	4,9	5,0	5,0	5,4	5,5	3,7	4,7
Trung cấp chuyên nghiệp	3,4	3,7	3,6	3,7	3,7	3,9	3,9	3,8	3,7	4,7	4,4
Cao đẳng	1,7	1,7	1,9	2,0	2,1	2,5	2,7	2,8	3,1	3,7	3,8
Đại học trở lên	5,7	6,1	6,4	6,9	7,6	8,5	9,0	9,4	9,6	10,5	11,1

Nguồn: Niên giám Thống kê, Báo cáo Điều tra lao động việc làm các năm, từ 2010 đến 2020

CMCN 4.0 đang ngày càng lan tỏa đến tất cả các nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Và với nguồn nhân lực chất lượng thấp, thì chúng ta không thể thành công trong việc thực hiện các mục tiêu CNH, HĐH nền kinh tế. Việc ứng dụng các thành tựu của KHCN hiện đại vào nền kinh tế đang là yêu cầu rất cần thiết trong tiến trình CNH của đất nước. Người lao động của Việt Nam nếu không có chuyên môn, thiếu kỹ năng và trình độ thì không thể đáp ứng được đòi hỏi của sự thay đổi về KHCN trong quá trình sản xuất, trong quản trị và điều hành công việc. So với các nước trong khu vực, Việt Nam là một trong những nước chịu ảnh hưởng nhiều nhất từ CMCN 4.0. Những lao động phổ thông, tay nghề thấp có nguy cơ thất nghiệp cao do sự phát triển của công nghệ mới thay thế sức lao động của con người. Nhiều công việc mới được mở ra đòi hỏi nguồn nhân lực phải được trang bị kiến thức, kỹ năng phù hợp để đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới. Do vậy, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là yêu cầu rất cần thiết và cấp bách, đòi hỏi cần phải đầu tư cho giáo dục, đào tạo, trong đó, cần ưu tiên đầu tư cho các ngành KHCN mũi nhọn. Việc đào tạo và dạy nghề cũng phải đáp ứng được nhu cầu của xã hội, của quá trình hội nhập.

Phát triển nguồn lực KHCN

Cùng với các nguồn lực về tài chính, về con người, thì KHCN được coi là nguồn lực quan trọng để thực hiện thành công chiến lược CNH, HĐH đất nước. Những thành tựu to lớn của cuộc cách mạng KHCN hiện đại đã và đang đẩy nhanh sự phát triển của lực lượng sản xuất, nâng cao năng suất lao động. Ở Việt Nam, chính sách phát triển KHCN phục vụ cho CNH, HĐH đã được xây dựng và thực hiện theo từng giai đoạn phát triển. Việc thực hiện các chính sách này đã nâng cao tiềm lực KHCN của đất nước, thúc đẩy việc đưa các tiến bộ KHCN vào sản xuất và đời sống, tạo ra những tiền đề cần thiết để đẩy mạnh CNH, HĐH.

Trong những năm qua, ngân sách đầu tư cho phát triển KHCN cũng được tăng cường. Giai đoạn 2010-2020, chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực này đã tăng từ 4.144 tỷ đồng lên 12.675 tỷ đồng (Bảng 2). Đầu tư từ ngân sách nhà nước cho KHCN chủ yếu tập trung vào đầu tư cho hoạt động nghiên cứu khoa học, ứng dụng kỹ thuật, các nhiệm vụ của Nhà nước; đầu tư cho con người, đầu tư để hỗ trợ đề tài cấp bộ, ngành, đầu tư để tăng cường cơ sở vật chất.

Bên cạnh sự đầu tư từ ngân sách nhà nước cho phát triển KHCN, các doanh nghiệp, khu vực kinh tế ngoài nhà nước và khu vực kinh tế có vốn FDI cũng đóng góp một phần quan trọng trong sự nghiệp phát triển KHCN của Việt Nam. Theo kết quả Điều tra nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của Bộ Khoa học và Công nghệ công bố gần đây nhất vào năm 2018, chi đầu tư của thành phần kinh tế ngoài nhà nước cho phát triển KHCN đạt 10.122.281 triệu đồng, chiếm 38,4% tổng chi toàn xã hội cho lĩnh vực này và khu vực kinh tế có vốn FDI cũng đóng góp 3.275.736 triệu đồng, chiếm 12,4% (Bộ Khoa học và Công nghệ, 2018).

Tuy Nhà nước và các khu vực kinh tế khác đã tăng cường đầu tư cho phát triển KHCN trong nhiều năm nay, nhưng nhìn chung KHCN của Việt Nam còn phát triển chậm, chưa đáp ứng được yêu cầu trong thời kỳ mới, đặc biệt là với yêu cầu của cuộc CMCN 4.0 đang diễn ra rất mạnh mẽ. Trình độ công nghệ của nước ta còn thấp và chậm được đổi mới trong nhiều ngành, nhiều lĩnh vực. Các sản phẩm nghiên cứu, chuyển giao KHCN trong nước còn hạn chế và khả năng ứng dụng vào sản xuất và đời sống còn thấp. Nhiều thiết bị, công nghệ lạc hậu đã được nhập khẩu vào trong nước ảnh hưởng xấu đến hiệu quả kinh tế, giảm năng suất lao động, gây thiệt đến môi trường sinh thái. Đội ngũ cán bộ nghiên cứu trong lĩnh vực KHCN chất lượng còn chưa cao và còn thiếu nhiều cán bộ đầu ngành, các chuyên gia giỏi. Thêm vào đó, cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ cho nghiên cứu khoa học quá nghèo nàn, lạc hậu, chưa có chính sách đãi ngộ xứng đáng nên nhiều cán bộ giỏi về KHCN đã chuyển ra nước ngoài làm việc, gây ra hiện tượng chảy máu chất xám trong những năm gần đây.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGUỒN LỰC CHO CNH, HĐH Ở VIỆT NAM THÍCH ỨNG VỚI CMCN 4.0

Trong giai đoạn tới, Việt Nam tiến hành CNH, HĐH trong bối cảnh thế giới và trong nước có nhiều thay đổi. Xu hướng toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế đang diễn ra ngày càng sâu rộng, tác động đến các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội, làm thay đổi tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của các nước nói chung và Việt Nam nói riêng. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã nêu ra nhiều quan điểm và chủ trương mới trong đường lối phát triển đất nước, trong đó khẳng định “Tiếp tục đẩy mạnh CNH, HĐH trên nền tảng của tiến bộ KHCN và đổi mới sáng tạo”. CNH là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của quá trình phát triển, đưa nền sản xuất vật chất và đời sống văn hóa - xã hội của đất nước lên trình độ mới. Việc xây dựng và thực hiện chính sách phát triển các nguồn lực cho CNH, HĐH của Việt Nam trong giai đoạn tới phải đạt được mục tiêu đẩy nhanh quá trình CNH đất nước, thích ứng với CMCN 4.0, đưa Việt Nam bắt kịp với thế giới về trình độ phát triển KHCN. Cụ thể như sau:

Về phát triển các nguồn lực tài chính: Trong giai đoạn tới, Việt Nam cần tăng cường đầu tư vốn vào các ngành, các lĩnh vực mũi nhọn nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Ngoài nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, cần đẩy mạnh hơn nữa sự tham gia đầu tư của khu vực kinh tế ngoài nhà nước. Mặc dù nguồn vốn đầu tư từ khu vực kinh tế ngoài nhà nước đang chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng vốn đầu tư toàn xã hội, song vẫn cần khuyến khích hơn nữa việc gia tăng vốn đầu tư của khu vực này. Bên cạnh đó, vốn FDI luôn là nguồn vốn rất quan trọng của nền kinh tế, đặc biệt trong giai đoạn tới đây, khi

BẢNG 2: CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO SỰ NGHIỆP KHCN GIAI ĐOẠN 2010-2020

Năm	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	Sơ bộ năm 2019	Ước tính năm 2020
Giá trị (Tỷ đồng)	4.144	5.758	5.918	6.593	7.027	9.392	9.440	9.256	11.111	12.955	12.675
Cơ cấu (%)	0,63	0,73	0,6	0,61	0,64	0,74	0,73	0,68	0,77	0,74	0,71

Nguồn: Niên giám Thống kê

kinh tế của Việt Nam sẽ còn bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19, thì việc đẩy mạnh thu hút vốn FDI là rất cần thiết nhằm tăng cường các nguồn lực thúc đẩy phát triển kinh tế.

Về phát triển nguồn nhân lực: Cần tăng cường nâng cao chất lượng, trình độ của nguồn lực lao động đáp ứng với yêu cầu CNH, HĐH trong bối cảnh nền kinh tế số. Thủ tướng Chính phủ cũng đã ban hành Chương trình “Đào tạo, đào tạo lại nâng cao kỹ năng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư” (theo Quyết định số 1446/QĐ-TTg, ngày 30/8/2021) với mục tiêu là đào tạo các ngành nghề mới và các kỹ năng nghề mới cho ít nhất 20 ngành, nghề ở trình độ cao đẳng và trung cấp ưu tiên cho các lĩnh vực công nghệ thông tin, công nghệ mới, công nghệ cao, các kỹ năng tương lai đáp ứng yêu cầu của cuộc CMCN 4.0. Chương trình đào tạo trong các nhà trường cần phải được xây dựng để cung cấp cho người học về kiến thức, về kỹ năng để đáp ứng được với nhu cầu của thị trường lao động trong bối cảnh mới.

Về phát triển nguồn lực KHCN: Trước hết, cần phải xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ cán bộ KHCN, xây dựng các chính sách đào tạo và bồi dưỡng, đãi ngộ nhân tài phục vụ cho các ngành kinh tế mũi nhọn, các lĩnh vực nghiên cứu khoa học cơ bản, các ngành công nghệ cao. Nhà nước cần có những chính sách khuyến khích và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia nghiên cứu phát triển và ứng dụng KHCN. Để chủ động dần về công nghệ, bên cạnh nhập khẩu công nghệ hiện đại từ nước ngoài, Chính phủ cũng cần tăng cường đầu tư cho phát triển KHCN trong nước. Cùng với việc đầu tư từ nguồn vốn nhà nước, cần xã hội hóa và đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư khác, đặc biệt là nguồn vốn đầu tư từ các doanh nghiệp. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đảng Cộng sản Việt Nam (2011). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2016). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật
- Bộ Khoa học và Công nghệ (2018). Kết quả điều tra nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ
- Tổng cục Thống kê (2012-2022). Báo cáo điều tra lao động việc làm các năm, từ 2010 đến 2020, Nxb Thống kê
- Tổng cục Thống kê (2011-2021). Niên giám Thống kê các năm, từ 2010 đến 2020, Nxb Thống kê